

LEARNERS' EVALUATION OF THE ACCOUNTING MAJOR (A CASE STUDY AT THANH DO UNIVERSITY)

Tran Thi Thuy¹ Tran Thi Linh Chi²

Pham Duc Nam³

^{1, 2, 3}Thanh Do University

Email: ttthuy@thanhdowni.edu.vn¹; tranlinhchi1210@gmail.com²; ducnamhlo@gmail.com³

Received: 14/10/2024; Reviewed: 4/11/2024; Revised: 18/12/2024; Accepted: 28/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1.181>

Abstract: *The study was conducted at Thanh Do University to examine the factors affecting students' satisfaction with the quality of accounting education. The research was carried out on 125 accounting students and alumni. Quantitative analysis methods were used to analyze the data. The results of the analysis show that most students are satisfied with the quality of accounting education in aspects such as facilities, faculty, and teaching methods. Among these factors, faculty has the strongest influence on students' satisfaction. The insights from student satisfaction will help the university develop and adjust its curriculum and improve training quality to better meet learners' needs in the future.*

Keywords: *Quality of training; Learners' Evaluation; Accounting Major; Thanh Do University*

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu thống kê giáo dục Đại học năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: cả nước có 239 cơ sở giáo dục Đại học, trong đó có 174 cơ sở đào tạo công lập và 65 cơ sở đào tạo ngoài công lập. Sự gia tăng số lượng các cơ sở giáo dục Đại học đòi hỏi các cơ sở giáo dục Đại học phải nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới chương trình đào tạo để nâng cao sự hài lòng của sinh viên và đơn vị sử dụng lao động.

Hòa chung xu thế phát triển của xã hội và tuân thủ những quy định trong quản lý giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thành Đô đã thực hiện kiểm định chất lượng đối với cơ sở đào tạo và nhiều Chương trình đào tạo, hướng tới đánh giá và kiểm định chất lượng trong phạm vi khu vực và quốc tế. Ngoài đánh giá ngoài, hàng năm nhà trường còn tiến hành tự đánh giá thông qua khảo sát từ các bên liên quan, trong đó có sinh viên và cựu sinh viên. Các thông tin về mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động về chất lượng đào tạo là căn cứ hữu ích giúp nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo.

Đối với ngành kế toán, một ngành đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, việc đảm bảo chất lượng đào tạo không chỉ giúp nâng cao năng lực chuyên môn cho người học mà còn tác động trực tiếp đến uy tín của Nhà trường. Sự hài lòng của

người học là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo. Các yếu tố như đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy... có thể tác động mạnh đến cảm nhận của người học. Tuy nhiên, tại Trường Đại học Thành Đô chưa có nghiên cứu nào tập trung vào việc tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học ngành kế toán. Chính vì vậy, nghiên cứu này là rất cần thiết để đánh giá thực trạng, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, cải thiện môi trường học tập và đáp ứng kỳ vọng của người học.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, các nghiên cứu về sự hài lòng của người học phải kể đến công trình của Hennig-Thurau và cộng sự (2001), nhóm tác giả cho rằng “Sự hài lòng của sinh viên ảnh hưởng đến mức độ trung thành của sinh viên đối với nhà trường”. Tiếp theo là nghiên cứu của Gaston & Nha (1999) đề cập đến “Sự hài lòng (giá trị cảm nhận) của sinh viên về chất lượng đào tạo là đánh giá tổng thể của sinh viên dựa trên nhận thức của họ về những gì họ nhận được, cũng như mức độ thỏa mãn với mong muốn học hỏi khi theo học tại trường”. Ngoài ra, Chute và các cộng sự (1999) cho rằng “Sự hài lòng của sinh viên là yếu tố tâm lý, liên quan đến sự cảm nhận về chất lượng hệ thống thông tin, chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng dịch vụ hỗ trợ

quản lý đào tạo”.

Trong giáo dục, chất lượng đào tạo đại học là khái niệm rộng bao gồm nhiều mặt khác nhau của hoạt động giảng dạy và học tập (O’Neill & Palmer, 2004). Nghiên cứu về sự hài lòng của người học và chất lượng đào tạo trong phạm vi sinh viên trường Đại học Thành Đô có thể kể đến công trình nghiên cứu của tác giả Phan Thị Phương Thảo (2024) đối với sinh viên đã và đang thực hiện học kỳ doanh nghiệp, sinh viên đã tốt nghiệp và hiện đang công tác tại các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các chuyên ngành Quản trị khách sạn, Hướng dẫn du lịch và Ngôn ngữ Anh của Khoa Du lịch – Ngoại ngữ về mức độ đáp ứng của học kỳ doanh nghiệp đối với nhu cầu của người học; hay nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Thanh Huyền và cộng sự (2023) đánh giá chất lượng và hiệu quả của chương trình thực tập tại doanh nghiệp đối với người học dưới quan điểm của sinh viên và doanh nghiệp. Các công trình nghiên cứu trên là những gợi mở để tác giả kế thừa trong nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích định tính và phân tích định lượng dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính để đánh giá và phân tích các yếu tố ảnh hưởng. Dữ liệu được thực hiện từ bảng khảo sát hợp lệ thông qua khảo sát online bằng Google form. Nghiên cứu khảo sát 125 đối tượng là sinh viên các khóa 12, 13, 14, 15 và cựu sinh viên các khóa 9, 10, 11 ngành Kế toán trường Đại học Thành Đô. Trong đó, có 119 phiếu khảo sát hợp lệ gồm 14 sinh viên nam, 105 sinh viên nữ; Nhóm cựu sinh viên bao gồm: Khóa 9 có 15 sinh viên; Khóa 10 có 20 sinh viên; Khóa 11 có 18 sinh viên; Sinh viên đang theo học bao gồm khóa 12 có 8 sinh viên; Khóa 13 có 15 sinh viên; Khóa 14 có 21 sinh viên; Khóa 15 có 22 sinh viên. Dữ liệu sau khi được làm sạch và mã hóa được phân tích thông qua phần mềm SPSS 20.

Để đo lường các biến nghiên cứu trong mô hình, nhóm tác giả sử dụng một biến phụ thuộc là sự hài lòng và năm biến độc lập bao gồm: Cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và hoạt động hướng nghiệp; sử dụng thang đo 05 mức độ của Likert, với các lựa chọn từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”. Phương pháp

chọn mẫu nghiên cứu là phương pháp phi xác suất, Số lượng mẫu thu được là n=119. Phương pháp phân tích dữ liệu bao gồm phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy tuyến tính. Giả thuyết nghiên cứu đề xuất:

<i>Giả thuyết H1</i>	<i>Cơ sở vật chất tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>
<i>Giả thuyết H2</i>	<i>Đội ngũ giảng viên có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>
<i>Giả thuyết H3</i>	<i>Phương pháp giảng dạy có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>
<i>Giả thuyết H4</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>
<i>Giả thuyết H5</i>	<i>Hoạt động hướng nghiệp có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Phân tích độ tin cậy của thang đo

Để phân tích độ tin cậy của thang đo, nghiên cứu sử dụng hệ số tương quan biên tổng và hệ số Cronbach’s Alpha. Sau khi thực hiện đánh giá lần lượt các hệ số Cronbach’s Alpha và hệ số tương quan biên tổng, kết quả cho thấy tất cả 19 biến độc lập đo lường 5 yếu tố ảnh hưởng và 3 biến phụ thuộc đều có hệ số Cronbach’s Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biên tổng lớn hơn 0,3, chứng tỏ các thang đo giải thích đạt được độ tin cậy phù hợp để tiến hành các phân tích định lượng tiếp theo.

Bảng 1. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo

Nhân tố	Biến số	Hệ số tương quan biên tổng	Cronbach's Alpha
Cơ sở vật chất	CSVC1	.719	.847
	CSVC2	.665	
	CSVC3	.633	
	CSVC4	.719	
Đội ngũ giảng viên	GV1	.629	.770
	GV2	.524	
	GV3	.565	

Nhân tố	Biến số	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha
	GV4	.571	
Phương pháp giảng dạy	GD1	.423	.612
	GD2	.389	
	GD3	.453	
Phương pháp kiểm tra đánh giá	KT1	.580	.761
	KT2	.504	
	KT3	.533	
	KT4	.620	
Hoạt động hướng nghiệp	HN1	.577	.725
	HN2	.443	
	HN3	.530	
	HN4	.510	
Sự hài lòng	SHL1	.906	.924
	SHL2	.852	
	SHL3	.794	

Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20

4.2 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Hệ số KMO phải thỏa mãn lớn hơn 0,5 (Hair và cộng sự, 2010). Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho biến độc lập thu được chỉ số KMO là 0.830 và hệ số sig <0.05; Tổng phương sai trích là 62.093% >50% cho thấy 5 yếu tố phản ánh được 62.093% sự biến thiên của các biến quan sát theo dữ liệu ban đầu, mô hình phù hợp phân tích nhân tố khám phá EFA .

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến độc lập

Nhân tố	Điểm dừng phương sai trích	Tổng phương sai trích	KMO	Sig.
1	31.381	5.962	.830	0.000
2	39.788	1.597		
3	47.725	1.508		
4	55.234	1.427		
5	62.093	1.303		

Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20

Dựa vào ma trận xoay, 19 biến quan sát độc lập có hệ số tải >0,3 và hội tụ ở 5 nhóm yếu tố cụ thể: Nhóm yếu tố 1 gồm 4 thang đo là cơ sở vật chất ký hiệu CSVC; Nhóm yếu tố 2 gồm 4 thang đo là đội ngũ giảng viên ký hiệu GV; Nhóm yếu tố 3 gồm 4 thang đo là phương pháp kiểm tra đánh giá ký hiệu KT; Nhóm yếu tố 4 gồm 4 thang đo là hoạt động hướng nghiệp ký hiệu HN; Nhóm yếu tố 5 gồm 3 thang đo là phương pháp giảng dạy ký hiệu GD.

Bảng 3. Kết quả chạy ma trận xoay trong phân tích EFA cho biến độc lập

	Component				
	1	2	3	4	5
CSV2	.830				
CSV1	.778				
CSV4	.767				
CSV3	.660				
GV1		.811			
GV4		.750			
GV3		.679			
GV2		.663			
KT3			.782		
KT1			.706		
KT2			.698		
KT4			.632		
HN3				.717	
HN1				.711	
HN4				.669	
HN2				.633	
GD1					.768
GD3					.695
GD2					.665

(Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20)

Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc cho thấy thang đo sự hài lòng gồm 3 biến quan sát có hệ số KMO là 0.717>0.5, hệ số sig <0.05; Phương sai trích cho 1 yếu tố là 87>50 và ma trận xoay hội tụ cả 3 biến quan sát tại một yếu tố là đạt yêu cầu.

Bảng 4. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho biến phụ thuộc

Các nhân tố	Điểm dừng phương sai trích	Tổng phương sai trích	KMO	Sig.
1	2.625	87.500	.717	0,000
2	.275	9.177		
3	.100	3.323		

Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20

Bảng 5. Kết quả chạy ma trận xoay trong phân tích EFA cho biến phụ thuộc

	Component
	1
SHL1	.963
SHL2	.939
SHL3	.904

Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20

4.3 Phân tích tương quan Pearson và hồi quy đa biến

Kết quả phân tích hệ số tương quan Pearson đều có giá trị lớn hơn 0 và nhỏ hơn 0.85 cho thấy mối tương quan tuyến tính giữa biến phụ thuộc và biến độc lập, không có hiện tượng đa cộng tuyến. Giá trị sig < 0.05 nên hệ số tương quan Pearson có ý nghĩa thống kê.

Bảng 6. Kết quả phân tích tương quan Pearson

		SHL	CSVC	GV	GD	KT	HN
SHL	Pearson Correlation	1	.616**	.624**	.474**	.383**	.479**
	Sig. (2-tailed)		0	0	0	0	0
CSVC	Pearson Correlation	.616**	1	.420**	.362**	.455**	.482**
	Sig. (2-tailed)	0		0	0	0	0
GV	Pearson Correlation	.624**	.420**	1	.300**	.365**	.432**
	Sig. (2-tailed)	0	0		0.001	0	0
GD	Pearson Correlation	.474**	.362**	.300**	1	.258**	.312**
	Sig. (2-tailed)	0	0	0.001		0.005	0.001
KT	Pearson Correlation	.383**	.455**	.365**	.258**	1	.401**
	Sig. (2-tailed)	0	0	0	0.005		0
HN	Pearson Correlation	.479**	.482**	.432**	.312**	.401**	1
	Sig. (2-tailed)	0	0	0	0.001	0	

Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20

Kết quả phân tích giá trị R² và R² hiệu chỉnh cho thấy R² hiệu chỉnh là 0.568 nghĩa là cứ 56.8% sự biến thiên của sự hài lòng của sinh viên được giải thích bằng sự biến thiên của 5 nhân tố độc lập là cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, hoạt động hướng nghiệp còn lại là do sai số ngẫu nhiên hoặc các biến bên ngoài mô hình gây ra.

Trong bảng phân tích ANOVA, giá trị của kiểm định F có sig nhỏ hơn 0.05 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính này có thể suy rộng và áp dụng đối với tổng thể.

Để kiểm tra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất nhóm tác giả sử dụng hệ số Durbin – Watson. Hệ số này có giá trị biến thiên trong khoảng từ 0 đến 4; nếu DW nhỏ hơn 1 và lớn hơn 3, khả năng rất cao xảy ra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất theo Field (2009). Theo Yachua Qiao (1999), thường giá trị DW nằm trong khoảng 1.5 – 2.5 sẽ không xảy ra hiện tượng tự tương quan, đây cũng là mức giá trị tiêu chuẩn sử dụng phổ biến trong nghiên cứu hiện nay. Kết quả phân tích cho thấy hệ số DW = 2.055 nằm trong khoản từ 1.5 đến 2.5 sẽ không xảy ra hiện tượng tự tương quan.

KHOA HỌC, GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHỆ

Giá trị sig của kiểm định t được sử dụng để kiểm định ý nghĩa của hệ số hồi quy. Kết quả phân tích tại bảng Coefficients cho thấy trong 5 biến độc lập tiến hành kiểm định t thì có 3 biến là CSVC, GV, GD cho giá trị sig ≤ 0.05, 3 biến này có ý nghĩa thống kê giải thích cho biến phụ thuộc, 2 biến KT và HN cho giá trị sig >0.05 không có ý nghĩa thống kê. Cả 5 biến độc lập đều cho giá trị beta dương tức là có ảnh hưởng thuận chiều đến biến phụ thuộc, xét về mức độ ảnh

hưởng đến sự hài lòng của sinh viên thì yếu tố giảng viên có ảnh hưởng mạnh nhất (β=0.381), thứ hai là CSVC (β=0.337), cuối cùng là phương pháp giảng dạy (β=0.211)

Để kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến, nhóm tác giả dùng hệ số phóng đại phương sai VIF. Kết quả phân tích cho thấy tất cả hệ số VIF của 5 nhân tố đều dao động từ 1.210 đến 1.583, nhỏ hơn 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Nhân tố	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	t	Sig.	1/VIF	VIF
	B	Độ lệch chuẩn	Beta				
Hệ số chặn	-0.779	0.408		-1.911	0.059		
CSVC	0.359	0.081	0.337	4.433	0.000	0.632	1.583
GV	0.468	0.087	0.381	5.366	0.000	0.724	1.380
GD	0.263	0.083	0.211	3.169	0.002	0.827	1.210
KT	0.002	0.087	0.002	0.022	0.983	0.729	1.372
HN	0.113	0.098	0.085	1.153	0.251	0.671	1.489
R Square		0.587	F Change		32.079	Durbin-Watson	
Adjusted R Square		0.568	Sig. F Change		.000	2.055	

Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu trên phần mềm SPSS 20

Tổng hợp kết quả kiểm định mô hình hồi quy với 3 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc có phương trình hồi quy và kiểm định mô hình hồi quy như sau:

Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$SHL = 0.337*CSVC + 0.381*GV + 0.211*GD + \epsilon$$

Kiểm định mô hình hồi quy:

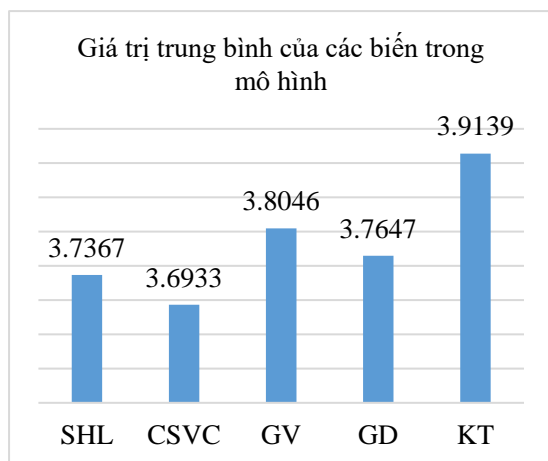
Giả thuyết	Kết quả
<i>Giả thuyết H1: CSVC tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>	Chấp nhận
<i>Giả thuyết H2: Đội ngũ giảng viên có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>	Chấp nhận
<i>Giả thuyết H3: Phương pháp giảng dạy có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>	Chấp nhận

Giả thuyết	Kết quả
<i>Giả thuyết H4: Phương pháp kiểm tra đánh giá có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>	Không chấp nhận
<i>Giả thuyết H5: Hoạt động hướng nghiệp có tác động thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên</i>	Không chấp nhận

(Nguồn: Phân tích của nhóm nghiên cứu)

5. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu sau khi phân tích các chỉ số cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Kế toán của trường Đại học Thành Đô nằm trong khoảng 3.69 đến 3.91 (giá trị trung bình là 3.74), mức này cho thấy sinh viên hài lòng về chất lượng đào tạo ngành Kế toán của nhà trường.

Hình 5.1 Giá trị trung bình các biến trong mô hình

Kiểm định t cho thấy các nhân tố có tương quan thuận đến sự hài lòng của sinh viên bao gồm: cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và phương pháp giảng dạy. Xét ba biến độc lập có ý nghĩa thống kê bao gồm CSVC, GV, GD thì cả 3 biến đều có β dương. Xét về mức độ ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên, yếu tố giảng viên có ảnh hưởng mạnh nhất ($\beta=0.381$), thứ hai là cơ sở vật chất ($\beta=0.337$), cuối cùng là phương pháp giảng dạy ($\beta=0.211$)

Giảng viên là nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của sinh viên so với mức độ hài lòng (mean=3.7367) thì sự hài lòng của sinh viên về giảng viên cao hơn mức hài lòng chung đạt (mean=3.8046). Điều này cho thấy được trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tố chất sư phạm và tác phong của giảng viên tương đối tốt khiến sinh viên hài lòng.

Cơ sở vật chất là nhân tố có ảnh hưởng thứ hai sau giảng viên. Mức độ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất đạt mean=3.6933 gần bằng mức độ hài lòng chung cho thấy cơ sở vật chất đã đáp ứng được điều kiện học tập cho sinh viên. Ngoài ra, trên thực tế, cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt ngoài học tập của sinh viên cũng liên tục được mua sắm mới, sửa chữa, thay thế.

Phương pháp giảng dạy là nhân tố có ảnh hưởng thứ ba đến mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Kế toán đạt mean=3.7647, cao hơn mức hài lòng chung chứng tỏ phương pháp giảng dạy của giảng viên là phù hợp, mang định hướng ứng dụng nhiều hơn để sinh viên có kỹ năng và thực chiến tốt hơn. Ngoài ra phương pháp giảng dạy đổi mới

sáng tạo áp dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, chuẩn bị slide bài giảng chèn chu cũng góp phần làm tăng lên sự hài lòng của sinh viên.

Trong mô hình có hai biến quan sát là phương pháp kiểm tra đánh giá và hoạt động hướng nghiệp có hệ số sig >0,05. Kết quả trái với giả thuyết ban đầu, có thể do mẫu khảo sát còn ít hoặc do đáp viên được khảo sát chưa quan tâm nhiều đến phương pháp kiểm tra đánh giá và hoạt động hướng nghiệp mà chỉ tập trung quan tâm đến cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của sinh viên và đội ngũ giảng viên cùng với phương pháp giảng dạy của giảng viên.

6. Kết luận và khuyến nghị

Qua phân tích sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Kế toán thấy được sinh viên có sự hài lòng tương đối cao. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng được nhu cầu của sinh viên và đơn vị sử dụng lao động, nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị:

Đối với đội ngũ giảng viên

Giảng viên là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của sinh viên. Vì vậy nâng cao chất lượng giảng viên là yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng giáo dục. Hiện nay, do đặc thù của ngành nên đội ngũ giảng viên chuyên ngành Kế toán còn ít, giảng viên đa phần có trình độ thạc sĩ, nhà trường cần có chính sách thu hút giảng viên nguồn để phát triển cả về số lượng và chất lượng giảng viên. Nên tăng cường đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm thực tế để giảng dạy một số bộ môn cho sinh viên.

Ngành Kế toán là một ngành sử dụng kỹ năng và thực hành tương đối cao. Nhằm đáp ứng chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, giảng viên thực sự cần có kinh nghiệm thực tế và kiến thức về kế toán cũng như các kiến thức liên quan đến ngành như kiến thức về thuế, bảo hiểm xã hội... Do đó giảng viên phải có sự am hiểu về nhiều kiến thức kinh tế xã hội, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế, vận dụng được vào nhiều tình huống trong công việc thực tế.

Ngoài kiến thức chuyên môn thì tác phong và kỹ năng sư phạm của giảng viên cũng rất quan trọng, bởi giảng viên là người tương tác trực tiếp với sinh viên và là người truyền đạt kiến thức, hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Nhà

trường cần thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về “phương pháp giảng dạy tích cực” và khoa cũng cần có nhiều các buổi sinh hoạt chuyên môn hơn để giảng viên có môi trường được học tập, trao đổi về kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với nhà trường

Hiện nay cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ, cơ bản có thể đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của sinh viên. Tuy nhiên, các phòng thực hành cần đảm bảo máy thực hành chạy ổn định. Sinh viên có thể truy cập wifi của trường bất cứ lúc nào bất cứ đâu trong khuôn viên trường. Hiện nay công nghệ số ngày càng phát triển, nên cơ sở dữ liệu điện tử và trang thiết bị công nghệ cần được trang bị nhiều hơn như: mở rộng thư viện số, trang bị thêm máy tính để có thể truy cập tài liệu ngay tại thư viện,...

Nghiên cứu cũng còn một số điểm hạn chế cần được tiếp tục hoàn thiện ở các nghiên cứu tiếp theo như:

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu là sinh viên đang học và cựu sinh viên các khóa gần nhất của trường Đại học Thành Đô. Kích cỡ mẫu nhỏ do đặc thù sinh viên ngành Kế toán của trường còn hạn chế về số lượng nên mẫu nghiên cứu chưa đạt được tính đại diện cao. Các nghiên cứu tiếp theo có thể nghiên cứu về sự hài lòng của sinh viên về một hình thức học tập cụ thể hoặc một chỉ tiêu cụ thể của chất lượng đào tạo... đảm bảo mẫu nghiên cứu có kích thước lý tưởng, mức độ đại diện cao.

Nghiên cứu này cũng mới chỉ kiểm định được 3 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo ngành Kế toán của trường Đại học Thành Đô gồm: cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy. Ngoài ba yếu tố có ảnh hưởng thuận chiều đến sự hài lòng của sinh viên kể trên, có thể bổ sung các yếu tố khác để tiếp tục đánh giá chi tiết hơn về các nhân tố có thể ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên ở các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Bo giao duc va dao tao (2024). *So lieu thong ke giao duc dai hoc nam 2024*.
- Chute, A., G., Thompson, M., M. & Hancock, B.,W. (1999). *The McGrawHill handbook of distance learning*. New York: McGraw-Hill.
- Field, A. (2009), *Discovering Statistics using SPSS*, London: Sage Publications
- Gaston, L. & Nha, N. (1999). Listening to the customer's voice: examing perceived service value among business colledge students. *International Journal of Education Management*, 13(4), 87-198.
- Hair, J. F., Anderson, R. E., Babin, B. J. & Black, W. C. (2010), *Multivariate Data Snalysis: A global Perspective*, Upper Saddle River, Pearson, N. J., USA.
- Hennig-Thurau, T., Langer, M. F., & Hansen, U. (2001). Modeling and managing student loyalty: An approach based on the concept of relationship quality. *Journal of Service Research*, 3(4), 331-344.
- <https://doi.org/10.1177/109467050134006>
- Huyen, D. T. T., Cuc, N.T., & Thinh, B. D. (2023). Hieu qua cua chuong trinh thuc tap tai doanh nghiep doi voi nguoi hoc - duoi quan diem cua sinh vien va doanh nghiep. *Tap Chi Nghien cuu Khoa hoc Va Phat trien*, 2(3), 33-40. <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v2i3.68>.
- O'Neill, G. & Palmer, A. (2004). E-learning in Tertiary Education: Where Do We Stand? *Higher Education Research & Development*, 23(2), 221-236. <https://doi.org/10.1080/0729436042000206729>.
- Qiao, Y. (1999), *Interstate Fiscal Disparities in America*. New York: Garland Publishing.
- Thao, P. T. P. (2024). Sinh vien voi hoc ky doanh nghiep (Nghien cuu trung hop khoa Du lich Ngoai ngu, trung Dai hoc Thanh Do). *Tap Chi Nghien cuu Khoa hoc Va Phat trien*, 3(4), 26-33. <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i4.189>.

ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI HỌC ĐỐI VỚI CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ)

Trần Thị Thùy¹ Trần Thị Linh Chi²

Phạm Đức Nam³

^{1, 2, 3}Trường Đại học Thành Đô

Email: ttthuy@thanhdowni.edu.vn¹; tranlinhchi1210@gmail.com²; ducnamhlo@gmail.com³

Ngày nhận bài: 14/10/2024; Ngày phản biện: 4/11/2024; Ngày tác giả sửa: 18/12/2024;

Ngày duyệt đăng: 28/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcncckhpt.v4i1.181>

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện tại trường Đại học Thành Đô nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học về chất lượng đào tạo ngành Kế toán. Nghiên cứu được thực hiện trên 125 sinh viên và cựu sinh viên ngành Kế toán. Các phương pháp phân tích định lượng được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả phân tích cho thấy đa phần người học hài lòng với chất lượng đào tạo ngành Kế toán thông qua các phương diện: cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy. Trong đó yếu tố đội ngũ giảng viên có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của người học. Các thông tin từ sự hài lòng của sinh viên sẽ giúp nhà trường xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo để đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người học trong thời gian tới.

Từ khóa: Chất lượng đào tạo; Đánh giá của người học; Ngành kế toán; Trường Đại học Thành Đô.